TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Bà Mai Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị N, sinh năm: 1993, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1990, vắng mặt

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang lao động tại nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị N trình bày:

Chị Cao Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã X), huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/01/2019. Hai bên gia đình tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung; mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được

hai bên gia đình hòa giải, khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Năm 2022, anh H xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, và từ đó đến nay anh H không liên lạc, không quan tâm gì đến chị N. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân, nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Chị Ngọc và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 18/01/2020. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tuấn A; tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; tại Bản tự khai ngày 23/5/2023, chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Văn H, nhưng hiện nay anh H không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án được.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp, bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Cao Thị N đối với anh Nguyễn Văn H; giao cháu Nguyễn Tuấn A cho chị N nuôi dưỡng, anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu Tuấn A tròn 18 tuổi.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi cung chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng:

Chị Cao Thị N làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng hiện nay anh H đã xuất cảnh, chưa nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có văn bản số 8916/QLXNC-P5 ngày 20/4/2023 trả lời Công văn số 29/CV-TA ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/7/1989, đã xuất cảnh ngày 02/10/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tòa án đã tiến hành xác minh, yêu cầu bà Nguyễn Thị K, mẹ của anh Nguyễn Văn H, cung cấp địa chỉ và thông báo cho anh H biết về việc chị N có đơn xin ly hôn anh. Bà K trình bày hiện nay anh H đang lao động tại Nhật Bản, bà K đã thông tin cho anh H biết về việc chị N đang có đơn khởi kiện về ly hôn, anh H không có ý kiến gì và không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh ở bên Nhật bản, nên bà K không thể cung cấp địa chỉ của anh H theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và trường hợp này thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2019. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Ngọc và anh Hiệp là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị N sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Tháng 10/2022, anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và đến nay không về nước; không quan tâm gì đến chị Ngọc, như vậy không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Cao Thị N có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N và anh H có 01 con chung là cháu cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 18/01/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Tuấn A cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Tuấn A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có mặt tại địa phương, không có ý kiến, nên không có căn cứ xác định về điều kiện kinh tế và thu nhận của anh H. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Tuấn A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu Tuấn A tròn 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử: - Về hôn nhân*:* Xử cho chị Cao Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung*:* Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 18/01/2020, là con chung của chị Cao Thị N và anh Nguyễn Văn H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu Tuấn A tròn 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Cao Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000[đ] án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000[đ] Chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000399 ngày 10/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000[đ] án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hiệu